

TÒA ÁN NHÂN DÂN

TỈNH ĐẮK LẮK

Bản án số: 315/2017/HSPT

Ngày: 03-11-2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Bình

Các Thẩm phán:

1. Ông Nguyễn Văn Chung

2. Ông Trịnh Văn Toàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 306/2017/HSPT ngày 03-10-2017, đối với bị cáo Lê Thị T về tội “Trộm cắp tài sản”, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST, ngày 31-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Lê Thị T, sinh năm 1968 tại tỉnh Khánh Hòa; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn S, xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa; chỗ ở tạm trú: Buôn T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; con ông Lê Đình T và bà Nguyễn Thị T; bị cáo có chồng là Trần Văn V và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền sự, tiền án: không có; bị cáo được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho gia đình bảo lãnh, hiện tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 45 phút ngày 21-4-2017, Lê Thị T đi bộ từ sạp bán rau của mình ở buôn T, thị trấn E, huyện E ra Quốc lộ 26 với mục đích đón xe khách để về nhà tại xã C, huyện C, tỉnh Khánh Hòa. Trên đường đi ngang qua sạp rau của chị Nguyễn Thị D cùng ở Buôn T, thị trấn E, thì T nhìn thấy 01 xe mô tô nhãn hiệu Air Blade, màu đen đang dừng phía trước, trên xe có treo 01 túi xách màu đỏ đô. Do nghĩ túi xách có tiền nên T nảy sinh ý định trộm cắp, T quan sát xung quanh không thấy ai nên đã lấy túi xách và đón xe về nhà. Trên đường đi, T kiểm tra thấy bên trong có: 01 túi xách màu xám sọc đỏ; số tiền 48.360.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1S màu hồng; 01 chứng minh nhân dân; 01 giấy phép lái xe; 01 thẻ ATM; 02 sổ tiết kiệm, tất cả các giấy tờ đều mang tên Nguyễn Thị D. Khi về

đến nhà, T lấy 2.000.000 đồng đóng hối. Đến 16 giờ cùng ngày, do lo sợ hành vi của mình bị phát hiện nên T đã đến Công an thị trấn E, huyện Ea Kar tự thú, khai nhận hành vi phạm tội đồng thời giao nộp số tiền 46.360.000 đồng và các tài sản liên quan khác.

Vật chứng thu giữ: 01 túi xách kích thước 25cm x 40cm bằng da, màu đỏ đô, hai quai xách màu nâu; 01 túi xách vải kích thước 20cm x 30cm, màu xám sọc đỏ đen, thân túi gắn quai màu đen; 46.360.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu OPPO, F1S màu hồng; 01 chứng minh nhân dân số 241719885 do Công an tỉnh Đắk Lắk cấp; 01 giấy phép lái xe hạng A1 số X225692 do Sở giao thông vận tải Đắk Lắk cấp ngày 07-8-2005; 01 thẻ ATM số 9704061359505098 của Ngân Hàng Đông Á; 01 sổ tiết kiệm số AA07277921 và số AA07277919, tất cả các giấy tờ đều mang tên Nguyễn Thị D. Quá trình điều tra, bị cáo Lê Thị T đã giao nộp tiếp số tiền 2.000.000 đồng và Cơ quan điều tra đã giao trả các tài sản và giấy tờ nêu trên cho bà Nguyễn Thị D.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06/KL-ĐGTS ngày 15-5-2017 của Hội đồng định giá tài trong tố tụng hình sự huyện Ea Kar, kết luận: 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1S màu hồng, trị giá 1.500.000đ; 01 túi xách da màu đỏ đô, kích thước 25cm x 40cm, trị giá 130.000đ; 01 túi xách màu xám sọc đỏ đen kích thước 20cm x 30cm, trị giá 80.000đ. Tổng giá trị tài sản là 1.710.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 43/2017/HSST, ngày 31 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã quyết định: Tuyên bố: Bị cáo Lê Thị T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Thị T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 11-9-2017, bị cáo Lê Thị T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung xin được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Thị T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo và đã khai nhận toàn bộ hành vi mà bị cáo đã thực hiện đúng như nội dung vụ án đã được tóm tắt nêu trên.

Quá trình tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đã phân tích, đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên mức hình phạt 02 năm 03 tháng tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, bởi lẽ: sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tự thú, giao nộp tài sản trộm cắp để khắc phục hậu quả, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được bị hại bãi nại, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng. Do đó, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo và không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, điểm c, đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật tố tụng hình sự và áp dụng Điều 60 Bộ luật hình sự, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt, xử phạt bị cáo 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 04 năm. Các quyết định khác của

bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Lời khai của bị cáo Lê Thị T tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 07 giờ 45 phút ngày 21-4-2017, trên đường đi về nhà, khi đi qua sạp bán rau của bà Nguyễn Thị D tại chợ thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Lợi dụng sơ hở của bà D, bị cáo đã trộm cắp của bà D các tài sản gồm: 02 túi xách; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F1S màu hồng; 01 chứng minh nhân dân; 01 giấy phép lái xe; 01 thẻ ATM; 02 sổ tiết kiệm và số tiền 48.360.000 đồng, tổng tài sản mà bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 50.070.000 đồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Lê Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Lê Thị T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mức hình phạt 02 năm 03 tháng tù mà bản án sơ thẩm đã xử phạt bị cáo là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ rõ sự ăn năn hối cải; sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã chủ động đến cơ quan Công an tự thú và giao nộp tài sản chiếm đoạt để trả lại cho người bị hại, người bị hại đã có đơn bãi nại cho bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt và có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo, giảm một phần hình phạt cho bị cáo và không cần thiết phải cách ly bị cáo với xã hội, mà cho bị cáo được hưởng án treo, để bị cáo được cải tạo ngoài xã hội, dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và gia đình là phù hợp. Như vậy cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt và cũng đảm bảo tác dụng răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo Lê Thị T không phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 248, điểm c, đ khoản 1 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138; điểm b, o, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 Bộ luật Hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Thị T, sửa bản án sơ thẩm về hình phạt.

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị T 02 (hai) năm tù, về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 04 (bốn) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Lê Thị T cho Ủy ban nhân dân thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, là nơi bị cáo thường trú giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát,

giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

[2] Về án phí: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HS nghiệp vụ Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Cơ quan T.H.A hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Ea Kar;
- VKSND huyện Ea Kar;
- Công an huyện Ea Kar;
- Chi cục T.H.A DS huyện E;
- Cơ quan T.H.A hình sự Công an huyện Ea Kar;
- Bị cáo;
- Đường sự;
-;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trương Công Bình